



## VIỆN VIỆT-HỌC

### BAN VĂN-CHƯƠNG VIỆT-NAM

Giảng-khoa : ĐẠI-CƯƠNG VỀ VĂN-HỌC VIỆT-NAM

Phụ trách : Giáo-sư Trần Lam-Giang

## TIẾT 10

# THƠ-VĂN YÊU NƯỚC CUỐI THẾ-KỶ XIX ĐẦU THẾ-KỶ XX

## TRUYỀN-THỐNG YÊU NƯỚC

Lịch-sử hơn bốn nghìn năm bảo-chủng và sinh-tồn trên giải đất quê-hương, trải qua vô-vạn khó-khăn, đau-thương, gian-khổ, đủ nói lên truyền-thống yêu nước thương nòi của giòng giống Việt.

Sử-tích Phù-Đổng Thiên-Vương đời Hùng Vương thứ Sáu chứng tỏ lòng yêu nước, giữ-gìn non nước đã có sẵn trong huyết-quản dân-tộc ta ngay từ thửa ban-sơ lập-quốc.

Theo Việt-sử Thông-Giám Cương-Mục, năm 218 trước Công-Nguyên, Tần Thủy Hoàng tụ tập năm trăm ngàn dân lưu-vong làm lính, sai hiệu-úy Đồ Thư làm tướng, sai Sứ Lộc đào lạch tải lương tiến vào Lĩnh-Nam, cướp đất của dân Việt, chia thành Quế-Lâm, Nam-Hải và Tượng-Quận. Người Việt rút vào rừng sâu, kháng-chiến 4 năm, đến năm 214 trước Công-Nguyên đuổi được quân Tần.

Về việc này, Sử-Ký Tư Mã Thiên của Trung-hoa có ghi: Tần Thủy Hoàng sai Giám Lộc đào sông nhỏ, tải lương thực để tiến quân vào đất Việt. Người Việt ẩn vào rừng mà chiến-đấu. Quân Tần cầm cự lâu, lương-thực thiếu hụt, người Việt đổ ra đánh, quân Tần cả thua.

Lưu An đời Hán viết sách Hoài Nam Tử, ghi việc người Việt đánh đuổi quân Tần như sau: Giám Lộc rông-rã hai năm không cỡi giáp buông cương mà vẫn không tải được lương. Sau sai đào ngòi lạch làm đường vận lương để đánh nhau với người Việt. Trước thế địch quá mạnh, người Việt rút vào rừng sâu, thà ở với muông thú còn hơn làm tôi mọi cho bạo Tần. Họ họp nhau chọn người tuấn Kiệt làm tướng, ngày ẩn-náu, đêm xông ra đánh. Sau phá tan quân bạo Tần, chém tướng giặc là Hồ Thư. Quân Tần thây đổ máu tuôn hàng mấy chục vạn.

Những sử-liệu trên đã chứng tỏ hơn hai nghìn năm trước ý-niệm yêu đời tự-do của dân-tộc Việt-nam đã minh-bạch, lòng yêu nước của người dân Việt đã tạo thành sức-mạnh vượt gian-khổ, thắng bạo-tàn.

Một ngàn năm chịu ách đô-hộ của Trung-hoa! Trong ngàn năm ấy dân-tộc ta đã liên-tục nổi lên chiến-đấu nhằm đòi lại đời tự-do, đòi lại quê-hương gấm-vóc với vũ-khí là tình thương đồng-bào, với sức-mạnh là lòng yêu nước. Có những cuộc kháng-chiến đã tạo nên thành-tích sáng ngời trong sử sách: Lữ Gia, Trưng Nữ Vương, Triệu Trinh Nương, Lý Nam Đế, Triệu Việt Vương, Mai Hắc Đế, Bồ Cái Đại Vương, Khúc Hạo, Khúc Thừa Dụ, Dương Diên Nghệ, Ngô Vương Quyền.

Cho đến khi Ngô Vương Quyền đánh tan quân Nam Hán, đã có không biết bao nhiêu công cuộc lớn nhỏ nổi lên, làm cho ngoại-xâm ăn không ngon ngủ không yên. Sách sử ghi lại rằng: kẻ đô-hộ luôn luôn sống trong tình trạng phải phòng-thủ, đề-cao cảnh-giác vì dân bản-xứ rất nhiều kẻ bỏ ruộng hoang nhà trống, ẩn-náu nơi rừng thiêng nước độc, hễ có cơ-hội là đánh phá không thôi.

Để giành lại độc-lập cho dân-tộc, đâu phải chỉ do công-lao của những anh-hùng lưu-danh trong lịch-sử, mà còn do công-lao của vô-vạn anh-hùng liệt-nữ vô-danh đã hy-sinh thân-thể máu xương.

Đất nước ta, sông núi ta còn được đến ngày nay là do tim óc máu xương của cha ông biết bao đời liên-tục hy-sinh bảo-vệ. Vậy nên đồng-bào chúng ta yêu quý non nước vô-cùng, yêu hơn mạng sống của chính mình. Đất đai quê-hương Việt-nam, đối với dân-tộc Việt, không phải chỉ là mảnh đất để trục-lợi mưu-sinh, mà chính là ngôi nhà tổ-phụ của đại-gia-đình dân-tộc, chính là nơi cư-ngụ yêu dấu vô cùng, chính là nơi nối-kết tình-cảm của hiện tại với quá-khứ và tương-lai. Với truyền-thống yêu nước, đất nước ta tuyệt-đối của đồng-bào ta, xương máu ông cha ta đã thấm-nhuần vào đấy tạo thành tổ-quốc, không thể nhường cho ai được hết. Mạng sống còn có thể nhường, tổ-quốc tuyệt-đối không. Tổ-quốc gắn liền với huyết-mạch của nòi-giống.

“Nghìn muôn ức triệu người chung hiệp,  
Gây dựng nên cơ- nghiệp nước nhà.  
Người dân ta, nước dân ta,  
Dân là dân nước, nước là nước dân.”

“*Đọc mấy câu ấy thì nghĩa hai chữ quốc dân đã rõ lắm.  
Anh em ta thử nghĩ: trên dưới bốn nghìn năm,  
trong ngoài ba mươi vạn dặm, biết bao dây máu huyết mũ đở tuôn ra cung cấp cho nước đó,  
có một giọt nào không phải của dân ta đâu?  
Biết bao lũ trước đàn sau, giết điu nhau mà kinh dinh cho nước đó,  
có một người nào mà không phải dân ta đâu?  
Vì vậy, nếu không dân thì ai làm nên nước?  
Nếu không nước thì quý gì dân?  
Linh hồn nước là đâu? Chắc là dân đó.  
Khu xác dân ở đâu? Chắc là nước đó.  
Quốc tức dân, dân tức quốc.  
Hai chữ quốc dân không thể rời nhau được.  
Nghĩa hai chữ quốc dân là thế.*”

(Phan Bội-Châu – Cao-Đẳng Quốc-Dân)

Với truyền-thống yêu nước, là một dân-tộc, có văn-hóa cao-cả như dân-tộc ta, văn-thơ ái-quốc chắc-chắn phải phong-phú dồi-dào. Nhưng cái họa xâm-lãng phương Bắc, với chính-sách thực-dân văn-hóa thâm-hiểm: phá đền-đài bi-chú, đốt sách, tịch-thu sách quý đem về Tàu, đã làm mất mát quá nhiều tác-phẩm thành-văn, nay chỉ còn lại từ thời Lý. *Đối-phó với hành-vi thực-dân văn-hóa ấy, ông cha ta đã tế-nhị tàng-trữ văn-hóa dân-tộc vào văn-chương truyền-khẩu – thành-trì văn-hóa dân-tộc - Với nền văn-chương này, không bạo-lực xâm-lược quý-quyệt nào có thể đốt phá, cướp đoạt.*

## TỔNG-CƯƠNG VĂN-THƠ ÁI-QUỐC THỜI LÝ - TRẦN - LÊ

### THỜI LÝ

Do hoàn-cảnh lịch-sử, văn-học thành văn đời Lý bị mất mát quá nhiều. Về văn thơ ái-quốc, tản-mạn còn lại các bài. “*Thỉnh hoàn Vật Dương, Vật Ác nhị động biểu*” của Lý Nhân-Tông (1); “*Phạt Tống Lộ Bố Văn*” của Lý Thường Kiệt, đặc-biệt bài “*Nam-Quốc Sơn-Hà*” của ông được truyền-tụng, quen thuộc trong tâm-trí người Việt, trải suốt bao nhiêu đời, đọc gần 10 thế-kỷ.

**Nam Quốc Sơn Hà (2)**  
*Nam quốc sơn hà Nam đế cư*  
*Tiệt nhiên định phận tại thiên thư*  
*Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm*  
*Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư*

Xưa Trung-hoa tự xưng là thiên-quốc, coi các nước lân-bang là chư-hầu. Với chủ-trương ấy, họ quan-niệm chỉ vua Tàu mới được xưng là Đế, vua các nước láng-giềng phải xưng Vương. Lý Thường-Kiệt làm bài này như một bản tuyên-ngôn độc-lập. Xác-định nước Nam có biên-giới phân-minh, vua nước Nam là Đế, ngang hàng với vua nước Bắc (Trung-hoa).

### Chú thích

- (1) *Lý Nhân-Tông* (1066 - 1128), Húy Càn-Đức là một vị minh-quân tài-đức. Đối-ngoại, đánh Tống bình Chiêm. Nội-trị, phát-triển nông-nghiệp, lập quốc-tử-giám, mở khoa thi tam-trường. Khi nhà Lý mới lập-nghiệp, có một số tù-trưởng ở biên giới Trung-hoa đã đầu Tống. Nùng Trí Hội, năm 1064 nộp động Vật Dương, nhà Tống đổi tên là Quy Hóa. Năm 1057, Nùng Tôn Đản nộp cho nhà Tống các động *Vật ác, Lôì Hoả, Kế Thành*. Các động này ở phía Tây Bắc Cao Bằng.
- (2) “*Lĩnh Nam Chích Quái*” và “*Thiên Nam Vân Lục Liệt truyện*” ghi rằng bài này do thần đọc cho Lê Hoàn trong khi tiến quân phá Tống.

## THỜI TRẦN

Dưới thời các vua Trần, tài-liệu văn-học tuy có bị giặc Minh cướp và thiêu-hủy mất nhiều (1), nhưng ta còn lưu-trữ được dồi-dào hơn văn-học thời Lý.

Về thơ văn ái-quốc, có thể kể ba bài tiêu-biểu: “*Dụ chư tỳ tướng hịch văn*” (hịch tướng sỹ) của Trần Hưng Đạo, “*Tụng giá hoàn kinh sư*” (phò giá về kinh) của Trần Quang-Khải và “*Thuật Hoài*” (Thuật nổi lòng) của Phạm Ngũ Lão.

(Bài Hịch Tướng Sỹ dài và nhiều điển-cổ, các học-viên có thể tìm trong Việt-Nam Sử-Lược của Trần Trọng-Kim).

### **Tụng Giá Hoàn Kinh Sư**

*Đoạt sáo Chương-Dương độ  
Cầm Hồ Hàm-Tử quan  
Thái-bình tu nỗ lực  
Vạn cổ thử Giang-san.*

Chuyển nghĩa nôm

Phò giá về Kinh-đô (2)  
*Bến Chương-Dương cướp Giáo giặc (3)  
Cử Hàm-Tử bắt quân Hồ (4)  
Thời thái-bình nên gắng sức  
Từ muôn đời non-sông này đã là của ta.*

Chuyển thơ nôm

*Chương-Dương cướp Giáo giặc  
Hàm-Tử bắt quân thù  
Thái-bình nên gắng sức  
Non nước ấy ngàn thu.*  
(Trần Trọng-Kim)

*Bài này có giá trị như một bản tuyên-ngôn độc-lập đời Trần.*

### **Thuật Hoài**

*Hoành Sáo giang sơn cáp Kỷ thu  
Tam quân tỳ hổ khí thôn ngưu (5)  
Nam nhi vị liễu công danh trái.  
Tu thính nhân gian thuyết Vũ hầu.*

Chuyển nghĩa nôm

### **Thuật Nổi Lòng**

*Trải mấy năm trời, cầm ngang ngọn giáo giữ gìn non sông.  
Ba quân như hổ báo, khí thế mạnh mẽ như nuốt trâu (như át sao ngưu)  
Làm trai chưa trả xong nợ công danh  
Thẹn thùng khi nghe người đời kể chuyện Vũ hầu.*  
(Khổng Minh)

## **Chú thích**

- (1) Thí-dụ điển-hình: Chu văn An có những tác-phẩm: *Thất Trảm sớ*, *Tiền ẩn thi tập*, *Tiền Ẩn quốc ngữ thi tập*, *Tứ Thư thuyết ước*. Nhưng nay chỉ tìm được 12 bài thơ chép trong *Toàn Việt Thi lục*.
- (2) Ngày 6 tháng 6 năm Ất Dậu (1285), sau khi đánh tan đạo quân Nguyên do Thoát Hoan chỉ huy, Trần Quang-Khải phò giá về Kinh-đô Thăng-long.
- (3) *Chương-Dương*: thuộc phủ Thường-tín tỉnh Hà-đông, nơi Trần Quang-Khải đại phá quân Nguyên (1285).
- (4) *Hàm-Tử*: cửa sông Hồng, thuộc phủ Khoái Châu tỉnh Hải Dương, nơi Trần Nhật-Duật đại phá quân Nguyên.
- (5) *Thôn ngưu*:
  - a. “*Nộ đảo sơn hà, khí thôn ngưu đầu*” giận, làm đảo lộn núi sông; khí, nuốt sao Ngưu sao Đẩu.
  - b. “*hổ báo vị thành văn dĩ hữu thực ngưu chi khí*”: Hổ báo còn non, chưa rõ văn vận, đã có khí thế ăn thịt trâu.

Chuyển thơ nôm

- a) *Múa giáo non sông trải mấy thu  
Ba quân hùng khí át sao ngư  
Công danh nam tử còn vương nợ  
Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ hầu*  
(Trần Trọng-Kim)
- b) *Mấy năm ngọn giáo non sông  
Ba quân tỳ hổ khí hùng nuốt trâu  
Nợ trai chưa trả sạch làu  
Thẹn nghe kể chuyện Vũ hầu đời xưa*  
(Bửu Cầm)

THỜI LÊ

Văn-chương thành văn đời Lê còn giữ được gần trọn vẹn. Đó là một nền văn-học có giá-trị nghệ-thuật cũng như triết-lý tư-tưởng nhân-bản cao-cả. Về thơ văn ái-quốc rất phong-phú, tiêu-biểu có thể kể *Lời Thề Lũng Nhai* và *Bình Ngô Đại Cáo* của Nguyễn Trãi.

(Có thể tìm tài-liệu ở Lam-Sơn Thực-Lục, Việt-Nam sử-lược, Khởi-nghĩa Lam-Sơn v.v..)

Dưới đây trích-dẫn một đoạn trong văn thề của Hội Thề Lũng Nhai để cùng nhận-thức truyền-thống ái-quốc cao-cả có trong tim óc người dân Việt từ buổi xa xưa:

*“Ngoại-nhân cậy sức xâm-chiếm nước ta, vượt cửa quan gây điều tai hại. Vậy nên Lê Lợi cùng Lê Lai đến Trương Chiển, 19 người một lòng chung sức giữ gìn đất nước, làm cho dân thôn xóm được an cư lạc nghiệp. Chúng tôi thề sống chết cùng nhau, không dám quên lời thề son sắt”.*

Sau khi đánh đuổi quân Minh giành lại nền tự-chủ, Nguyễn Trãi, thay Lê Lợi, viết *Bình Ngô Đại Cáo*, tuyên-bố cùng toàn-thể quốc-dân nền độc-lập của nước nhà, một nền độc-lập trọn vẹn từ chính-trị, văn-hóa đến lãnh-thổ. Đúng là một bản hùng-ca dân-tộc, một bản tuyên-ngôn độc-lập, văn-chương trác-tuyệt, lời-lẽ hùng-tráng thiết-tha, tư-tưởng quan-xuyến lịch-sử với cá-tính tự-trọng, tự-cường của dân-tộc Việt, một dân-tộc đời nào cũng có anh-hùng hào-khiet yêu nước yêu dân.

\* \* \*

Thời-kỳ Trịnh Nguyễn phân-tranh, Đàng Trong và Đàng Ngoài đều có lý-do để tự xưng chính-nghĩa. Cuộc nội-chiến không khốc-liệt ở chiến-trường, dân hai miền được sống tạm an-cư. Thơ-văn trong giai-đoạn này trầm lắng vào tư-tưởng và nghệ-thuật, ý-nghĩa tôn-quân của Tống-Nho bàng-bạc trong các tác-phẩm.

Nhà Tây-Sơn dấy-nghiệp, Đức vua Quang-Trung xuất-hiện trong lịch-sử như một ánh sao-băng, để lại trong lòng quốc-dân muôn vạn thương-tiếc. Võ công chớp-nhoáng quét sạch hai trăm ngàn quân Mãn-Thanh ra khỏi cõi bờ. Năm năm trị-vì, văn-nghiệp chưa kịp phát-huy rực-rỡ.

Dưới triều nhà Nguyễn, buổi đầu thơ-văn ái-quốc gắn liền với ý-nghĩa trung-quân theo tư-tưởng Tống-Nho. Về thái-độ sống nhập-thể vì dân vì nước của kẻ sỹ, được gửi-gắm qua thi-ca, nổi bật nhất là Nguyễn Công-Trứ.

VĂN-THƠ ÁI-QUỐC THỜI KHÁNG PHÁP

Người Pháp vì thị-trường thương-mại đã sang xâm chiếm nước ta. Chính-sách thực dân được núp dưới chiêu bài vì tình nhân loại, khai quang văn hóa, gieo rắc văn minh cho dân tộc bán khai. Thực tế dưới ách đô hộ của họ, số nhà trường và học đường cộng lại ít hơn số nhà tù và yêu nước là một trọng tội dưới thời Pháp thuộc.

**Chú thích:** danh sách 19 người: Lê Lợi, Lê Lai, Lê Thận, Lê văn An, Lê văn Linh, Trịnh Khả, Trương Lôi, Lê Liễu, Bùi Quốc Hưng, Lê Minh, Lê Hiểm, Vũ Uy, Nguyễn Trãi, Đinh Liệt, Lê Nhân Chú, Lê Bồi, Lê Lý, Đinh Lan và Trương Chiển.

Công-tâm mà xét, nước ta là một nước văn-hiến từ xưa. Trên bình-diện văn-hóa nhân-bản, với tư-tưởng cũng như cách thế sống thực-nghiệm về tình nhà, tình nước, nghĩa đồng-bào, tình nhân-loại, ta có thể hãnh-diện giữa đất trời rằng dân-tộc Việt-nam xứng-đáng là một dân-tộc văn-minh cao-cả.

Vài thế-kỷ nay các nước Tây-dương phát-huy văn-minh vật-chất, thành-công một cách hợm-hĩnh, đã từng đàn-áp dày xéo các dân-tộc kém mở-mang về cơ-giới để thỏa-mãn dục-vọng kinh-tế tài-chính và quyền-uy bạo-lực. Vì muốn tìm đường vào Trung Hoa, nhằm mục đích mở thị trường thương-mại, Pháp đem quân chiếm sáu tỉnh miền Nam nước ta, rồi chiếm miền Bắc, uy hiếp Kinh-thành Huế, đặt nền bảo-hộ khắc-nghiệt ngược tình người.

## VĂN-THƠ ÁI-QUỐC Ở MIỀN NAM (KHI PHÁP CHIẾM LỤC-TỈNH)

Miền Nam bị chiếm, sỹ-phu khởi-nghĩa, dân nghĩa-dũng hưởng-ứng rất nhiệt-liệt. Văn-học ái-quốc miền Nam được sáng-tác với hùng-tâm tráng-tử. Tiêu-biểu là Phan văn Trị và Nguyễn Đình-Chiếu.

Phan văn Trị *“Dõi theo người trước giữ năm hằng”*, kêu gọi tinh-thần uy-vũ bất năng-khuất, cho dù  
*“Bến Nghé quần bao công lửa cháy,  
 Côn Rồng dầu cát bụi tro bay”*.

Nguyễn Đình-Chiếu, thừa bình-thời có cách sống của một hàn-sỹ thanh-cao:  
*“Nước trong rửa ruột sạch trơn,  
 Một câu danh-lợi chi sờn lòng.”*

Gặp cơn quốc-biến, quan-niệm sống *“Trai thì trung-hiếu làm đầu”* được người quốc-sỹ tậ nguyện - mù hai mắt - dấn thân nhập cuộc bằng văn thơ hàm chứa giá-trị *văn dĩ tải đạo* của nho gia (văn-chương để chuyên chở đạo-đức đến lòng người). Nước nhà gặp buổi nguy-biến trước súng đạn tân-kỳ của ngoại-xâm, đạo-đức của quốc-dân thiết-yếu gắn liền với lòng yêu nước.

*“Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm  
 Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà.”*

Những tác-phẩm thơ và văn-tế Trương Công-Định, thơ điệu Phan Công-Tòng, văn-tế nghĩa-sỹ Cần Giuộc, văn-tế nghĩa-sỹ Lục-Tĩnh đã vang-vọng trong tâm-hồn dân nước.

Trước bả vinh-hoa do thực-dân văn-hóa Pháp đem ra quyến-rũ dưới những hình-thức tế-nhị, Nguyễn Đình-Chiếu không màng. Trọn đời sống với lý-tưởng cao-thượng yêu nước yêu dân.

*“Sự đời dù khuất hai tròng mắt  
 Lòng đạo xin tròn một tấm gương.”*

## VĂN-THƠ ÁI-QUỐC Ở MIỀN BẮC (KHI PHÁP CHIẾM MIỀN BẮC)

**Năm 1873 Pháp đánh Hà-nội lần thứ nhất.** Võ-hiến Khâm-sai Nguyễn Tri-Phương bị thương, bị bắt, xé vết thương tuấn quốc. Tiết-chế Quân-vụ Hoàng Kế-Viêm thu-dụng tướng giặc Cờ Đen là Lưu Vĩnh-Phúc, phục-kích giết được đại-úy Franci Garnier ở Ô Cầu Giấy. Nghĩa-dân miền Bắc đứng lên khắp nơi. Pháp đành phải ký Hòa-ước năm Giáp Tuất (1871), trả lại đất đã chiếm đóng ở miền Bắc, nhưng được quyền tự-do giao-thông thương-mại và các giáo-sỹ đạo chúa Ky-Tô được quyền tự-do giảng đạo.

**Văn-Thân.** Sau hòa-ước năm Giáp-Tuất, phong-trào Văn-Thân nổi lên ở Nghệ-an do hai tú-tài Trần Tấn và Đặng Như-Mai khởi-xướng, tụ tập hơn ba nghìn văn-thân, ra hịch Bình Tây Sát Tả. Bài hịch là một áng văn ái-quốc, lời lẽ cực-đoan: “... Triều-đình dẫu hòa với Tây mặc lòng, sỹ-phu nước Nam vẫn không chịu. Vậy trước nhất xin giết giáo-dân (đạo Gia-Tô rồi sau đánh đuổi Tây cho hết để giữ lấy văn-hóa của ta...)” (Trần Trọng-Kim dịch).

**Năm Nhâm-Ngọ (1882), Pháp đánh Hà-nội lần thứ hai.** Thành mất, Tổng-đốc Hoàng Diệu tuấn quốc. Sỹ-phu miền Bắc đứng lên kháng-chiến quyết-liệt. Văn thơ ái-quốc, chống ngoại-xâm được sáng-tác phong-phú nhằm khơi-dậy lòng yêu nước, tinh-thần tự-chủ truyền-thống của người dân Việt. Tập *Hà-thành Chính-khí-ca* của Nguyễn văn Giai, tức Ba Giai được truyền-bá khắp nơi.

... Bắn ra nghe chết cũng nhiều,  
Phổ phường vang dậy tiếng reo âm âm.  
Quan quân vững chí bình tâm,  
Phen này quét sạch cái đàn chó dê.  
Không ngờ thất ý tại ta,  
Rõ ràng thắng trạng thế mà thua cơ.  
Nội công ráp tự bao giờ,  
Thấy kho thuốc cháy ngọn cờ ngã theo.  
Quan quân truy sát đập đầu,  
Cửa Tây loài quỷ đánh liều trèo lên.  
Nào ai sức mạnh gan liền,  
Nào ai gìn giữ vững vàng ba quân.  
Nào ai còn có kinh luân,  
Nào ai biết đến thánh quân trên đầu.  
Một cơn gió thảm mưa sầu,  
Nấu nung gan sắt giữ gìn lòng son.  
Chữ trung còn chút cón con,  
Quyết đem gửi cái tàn hồn gốc cây.  
Trời cao bể rộng đất giầy,  
Núi Nùng sông Nhị chốn này làm ghi.  
Thương ôi! Trong buổi lâm nguy,  
Tấc riêng ai chẳng thương vì người trung.  
Rủ nhau tiền góp gạo chung,  
Rước ngài ra táng ở sau học đường.  
Đau đớn nhẽ, ngẩn ngơ nường,  
Tả tơi thành quách, tội tàn cỏ cây.

## PHONG-TRÀO CẦN-VƯƠNG

**Pháp áp-đảo kinh-thành Huế, vua Hàm-Nghi xuất-bôn, viết chiếu Cần-Vương, truyền đi khắp nước. Cuối bản chiếu-văn có ghi Hàm-Nghi năm thứ nhất, tháng 6 ngày mồng 2 (tức ngày 2 tháng 6 năm Kỷ-Dậu – 1885).**

Sỹ-phu và nghĩa-dân toàn-quốc hưởng-ứng chiếu-văn này, tạo thành phong-trào Cần-Vương. Dù Nho-học chính-thống chủ-trương “Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh”, nhưng nền giáo-dục Nguyễn triều chịu ảnh-hưởng Tống-nho sâu đậm, nước gắn liền với vua, trung-quân đồng-nghĩa với ái-quốc. Do vậy chiếu-văn Cần-Vương cũng như tuyệt đại đa số thơ-văn Cần-Vương chưa nhắc-nhở đến ý-niệm dân-chủ.

Dưới đây trích-dẫn hai bài thơ của anh-hùng Phan Đình-Phùng, linh-hồn của phong-trào Cần-Vương.

### **Đáp Hữu Nhân Thi**

Bách niên tôn xã dư hoài nhiệt,  
Nhất phiến cô trung tặc đảm hàn.  
Ký ngữ đồng nhân tri ngã phủ,  
Sở Vương thế lực bại hà san?

Dịch giả (ẩn danh):

Chí ta cứu nước đang nồng,  
Lòng ta trung-dũng lạnh-lùng địch-quân.  
Ai về nhắn hỏi đồng-nhân,  
Sở vương sức mạnh bại-sơn bao giờ?

### **Lâm Chung Thời Tác**

Nhung trường phụng mệnh thập canh đông,

*Võ lược y nhiên vị tấu công.  
Cùng hộ ngao thiên nan trạch nhạn,  
Phỉ đồ biến địa thượng đồn phong.  
Cửu trùng xa giá quan san ngoại,  
Tứ hải nhân dân thủy hỏa trung.  
Trách vọng dữ long ưu dữ đại,  
Tướng môn thâm tỵ quý anh hùng.*

Đào Trinh Nhất chuyển thơ Nôm:

*Làm trong khi sắp mất  
Nhưng-trường vâng mệnh đã mười đông,  
Việc vẽ lời thôi vẫn chẳng xong.  
Dân đói kêu trời vang ổ nhạn.  
Quân gian dậy đất rộn đàn ong.  
Chín trùng lận-đận ngoài quan-tái,  
Trăm họ phiê-pha đám lửa hồng.  
Trách vọng càng to càng mệt nhọc,  
Tướng môn riêng hổ tiếng anh hùng.*

Thơ-văn của các liệt-sỹ anh-hùng Cần-Vương có thể chép thành từng pho sách đây. Trong phạm-vi bài này, chỉ ghi lại nét đại-cương tiêu-biểu.

## PHONG-TRÀO DUY-TÂN VÀ ĐÔNG-DU

**Ý-thức** rằng: dù tinh-thần cao, ý-chí mạnh, nếu khăng-khăng thủ-cựu thì không thể cứu được dân nước ra khỏi ách lầm-than nô-lệ. Các nho-sỹ, ưu-thời mẫn-thế, sau một giấc ngủ dài trong đêm tối Tống-nho đã vươn vai đứng dậy ý-thức trách-nhiệm và bổn-phận của kẻ sỹ đối với xã-hội là phải canh-tân, làm cho cuộc sống nhân-quần ngày một tươi sáng hạnh-phúc hơn (*Đại học chi đạo tại mình mình đức, tại thân dân, tại chí ư chí thiện – cầu nhật tân, nhật nhật tân, hựu nhật tân*). Các tân-thư được đón nhận với tinh-thần khai-phóng. **Phong trào Duy Tân** ra đời. Sỹ-phu phát lên ngọn cờ dân-chủ, quốc-dân hưởng-ứng. Trang sử quân-chủ lui dần vào quá-khứ. Năm Canh-Tý (1900) cụ Phan Bội-Châu họp đồng-chí ở Nghệ-An, phân-công nhau đi liên-kết hào-kiệt trong nước. Năm Giáp Thìn (1904) cụ họp các đồng-chí ở sơn-trang Nam-Thịnh, thuộc Quảng-Nam, lập Việt-Nam Quang-Phục-Hội. Tháng tư năm Giáp-Thìn (1904), tại nhà cụ Tiểu-La Nguyễn Hàm, Duy-Tân-Hội được thành lập với Kỳ-Ngoại-Hầu Cường Để làm hội-chủ. Cụ Phan Bội-Châu được cử làm Tổng-Đại-Biểu hội. Hội-viên sáng-lập gồm các cụ Tiểu-La, Phan Chu-Trinh, Tăng Bạt-Hổ, Trần Quý-Cáp, Đặng Thái-Thân, Thái Phiên, Trần Cao-Vân, Trần Đình-Phác, Nguyễn Thuật, Nguyễn Thắng, Đào Tiến v.v...

Hội quyết-định: tạm-thời đình-chỉ bạo-động để chuẩn-bị cho một công cuộc chiến-đấu quy-mô kỹ-lưỡng hơn. Chuyên canh-tân xã-hội, mở-mang dân-trí, đề-cao dân-quyền, nghiên-cứu kế-hoạch phục-quốc, xuất-dương sang Nhật mở-mang tân-học thực-nghiệm, liên-lạc ngoại-giao với nước ngoài. Năm 1905, cụ Tăng Bạt-Hổ và cụ Đặng Tử-Kính cùng cụ Phan Bội-Châu xuất-dương, đem theo một số thanh-niên sang Nhật du-học, mở đầu cho phong-trào Đông-Du.

Tháng 10 năm 1907, Kỳ-Ngoại-Hầu cùng cụ Phan Bội-Châu lập ra Cống-Hiến-Hội để đôn đốc việc học tập của các du-học-sinh. Hội gồm các bộ:

- ◆ Bộ Kỹ-Luật do các ông Hoàng Quang-Thành, Phan Bá-Ngọc (con Phan Đình-Phùng), Đàm Kỳ-Sinh trông coi.
- ◆ Bộ Kinh-Tài do các ông Đặng Tử-Kính, Đặng Bình-Thành, Phạm Chấn-Yêm phụ-trách.
- ◆ Bộ Giao-Tế do các ông Lâm Quang-Trung, Nguyễn Thái-Bạt, Phan Thế-Mỹ phụ-trách.
- ◆ Bộ Kiểm-Tra do các ông Lương Lập-Nham (tức Lương Ngọc-Quyến, con cụ Lương văn Can), Trần Hữu-Công, Nguyễn Diễn phụ-trách (Nguyễn Diễn sau đầu-thứ Pháp).
- ◆ Bộ Văn-Thư do các ông Hoàng Trọng-Mậu, Đặng Ngô-Lân, Hoàng Hưng trông coi.

Như vậy, việc tổ-chức quản-nhiệm du-học-sinh rất có quy-mô.

**Về thơ-văn của phong-trào Đông-Du**, các tác-phẩm như: “*Lưu Cầu Huyết Lệ Thư*”, “*Hải Ngoại Huyết Thư*” do cụ **Phan Bội-Châu** viết bằng chữ Hán, cụ Từ Long Lê Đại chuyển nôm, khơi động lòng ái-quốc, vang dội khắp quốc-dân ta một thời.

Dưới đây, trích một đoạn trong “**Hải Ngoại Huyết Thư**” để học-viên có ý-niệm về tác-phẩm. (Tác-phẩm này có ấn-hành tại Mỹ, các học-viên có thể tìm mua).

*Lời Huyết-Lệ gửi về trong nước,  
Kể tháng ngày chưa được bao lâu.  
Nhác trông phong cảnh năm châu,  
Gió mây bằng lãng, dạ sầu ngẩn ngơ.  
Hồn cố quốc vợ vợ vẫn vẫn,  
Khôn tìm đường dò nhắn hỏi han.  
Bâng khuâng đỉnh núi mây ngàn,  
Khói tuôn khí uất, sóng tràn trận đau.  
Tưởng nông nổi đồng bào thêm oán,  
Nghĩ thân mình dám quản một hai.  
Tiện đây cất dạ mấy lời,  
Lại xin tỏ dãi cùng người quốc dân.  
Mong người nước dần dần tỉnh ngộ,  
Đem lời này khuyên nhủ cùng nhau.  
Nước ta mất bởi vì đâu?  
Hãy xin bày tỏ như sau mấy điều:  
Một là vua chẳng yêu vì nước,  
Hai là quan chẳng thiết chi dân,  
Ba là dân chỉ biết dân.  
Mặc quân với quốc, mặc thân với ai v.v...*

Hải-Ngoại Huyết-Thư gồm ba phần chính:

**Phần I:** Ở phần này cụ Phan Bội-Châu nói lên chính-sách xâm lược tàn độc của thực-dân Pháp về chính-trị cũng như về văn-hóa, nhằm mục-đích diệt-chúng cháu con Hồng-Lạc.

**Phần II:** Tác-giả kêu gọi toàn-thể đồng-bào ý-thức phản-tĩnh về thân-phận mình trong cảnh ngộ nô-lệ ngoại-xâm.

**Phần III:** Tác-giả kêu gọi đồng-bào kết-giải đồng-tâm nhắm vào mục-đích duy-nhất là cứu nước. Cũng ở phần này, tác-giả trình-bày, trong hoàn-cảnh lịch-sử đương-thời, người Việt-Nam chỉ có một kẻ địch duy-nhất là bạo-lực xâm-lược. Người Việt vốn chung quốc-tộc, dù có những dị-đồng về ngành nghề, về ngôi thứ, về tôn-giáo, cũng đều hướng-thiện cao-cả như nhau và trong hoàn-cảnh sống hiện-tại, dưới ách nô-lệ Pháp, ai cũng chung một nguyện-vọng, một chí-hướng đui ngoại-xâm, đòi lại chủ-quyền dân-tộc, sống đời tự-do. Tác-giả cho biết dân ta không chiến-đấu đơn-độc nếu biết tạo thế đồng-minh Châu Á, nhằm đối-phó với thảm-họa thực-dân Tây-dương xâm-lược.

**Việt-Nam Vong-Quốc Sử:** viết về hoàn-cảnh vong-quốc của dân-tộc ta trước bạo-lực xâm-lược của thực-dân Pháp. Ở đây, tác-giả trình-bày chính-sách ngược nhân-tính, ngược nhân-tình mà người thực-dân đã áp-dụng tại nước ta. Trước hoàn-cảnh lịch sử ấy, là giòng giống “*dẫn cường nhược có lúc khác nhau, song hào-kiệt đời nào cũng có*” (Bình-Ngô Đại-Cáo) nên rất nhiều anh-hùng – tác-giả viết về công-trình hành-động – đã vì nước đứng lên dấn-thân hy-sinh.

Ngoài ra, văn-thơ trong phong-trào Đông-Du rất dồi-dào kể không thể hết. Chỉ liệt-kê ra đây một số bài biểu-tượng của cụ Phan Bội-Châu:

- ◆ *Thư gửi Phan Chu-Trinh tiên-sinh.*
- ◆ *Kính quốc-dân.*

- ◆ *Bài ca kêu gọi phụ-nữ.*
- ◆ *Phổ cao Lục-Tĩnh.*
- ◆ *Gọi tỉnh hồn quốc-dân (bản Nôm)*  
*Đề tỉnh quốc-dân hồn (bản Hán)*
- ◆ *Tân Việt-Nam.*
- ◆ *Sùng bái giai-nhân.*
- ◆ *Chiêu-hồn nước (bài của Phan Bội-Châu)*
- ◆ *Ái-Quốc.*
- ◆ *Ái-Chúng.*
- ◆ *Ái-Quần.*
- ◆ *Ái-Đoàn, v.v...*

Tháng 8 năm 1908 Pháp ký thỏa-ước nhường một số quyền thương-mại cho Nhật, đổi lấy điều-kiện Nhật trực-xuất toàn-thể người Việt Đông-Du. Tháng 10 năm 1908, Nhật thực-thi thỏa-ước. Phong-trào Đông-Du tan, cụ Phan cùng các đồng-chí rút sang Tàu.

## ĐÔNG-KINH NGHĨA-THỰC

(Đông-Kinh: kinh-đô phía Đông tức Thăng-Long)

**K**hi cuộc Đông-độ phát-triển mạnh, các đồng-chí của cụ Phan Bội-Châu ở trong nước mở Đông-Kinh Nghĩa-Thực. Nghĩa-Thực là một nhà trường hợp-pháp, có giấy phép của nhà nước bảo-hộ, dạy học miễn-phí.

Chủ-trường của trường: tạo-thành một cuộc cách-mạng văn-hóa theo đường-lối của Duy-Tân hội: Xuất-dương học tân-học, tạo nền móng bang-giao với nước ngoài. Đối-nội: mở mang dân-trí, quần-chúng-hóa tư-tưởng dân-chủ, giữ-gìn quốc-túy, cắt đứt hủ-tục, bỏ học từ-chương, quảng-bá thực-nghiệm. Trường do cụ Lương văn Can làm hiệu-trưởng, cụ Nguyễn Quyền làm giám-học. Các sáng-lập-viên gồm các cụ: Lương văn Can, Vũ Hoàn, Nguyễn Quyền, Đào Nguyên-Phổ, Dương Bá-Trạc, Phan Tuấn-Phong, Đặng Kinh-Luân, Phan Huy-Thịnh, Nguyễn Hữu- Cầu, Hoàng Tăng-Bí, Ngô Đức-Kế v.v...

Trường được điều-hành bởi 4 ban:

1. Ban Giáo-Dục
2. Ban Tài-Chánh
3. Ban Cổ-Động
4. Ban Trước-Tác.

Trường có ký-túc-xá cho vài chục học-sinh ở xa đến. Chương-trình học gồm 8 cấp, có lớp học ban ngày và ban đêm. Học-sinh gồm nam, phụ, lão, ấu, tổng cộng trên 1,000 người. Trường khai-giảng tháng 3 năm 1907 tại phố Hàng Đào, bị đóng cửa tháng 12 năm 1907, sống được 9 tháng. Sách giáo-khoa, bỏ cử-nghiệp hư-văn, hướng theo tân-học với các môn sử-ký, địa-lý, cách-trí, vệ-sinh, toán-học.

Các sách dùng để giảng-huấn, mở-mang kiến-thức phổ-thông gồm: Quốc-dân độc-bản, Nam-Quốc vĩ-nhân, Việt-Nam Quốc-Sử-Lược, Nam-Quốc Địa-Dữ, Văn-Minh Tân-Học Sách v.v... các sách đều dùng cả hai thứ chữ: chữ nho và chữ quốc-ngữ mẫu tự la-tinh. Bên cạnh những sách của Nha Học-chính do nhà nước bảo-hộ ấn-hành, nhà trường bí-mật phổ-biến tài-liệu cách-mạng do cụ Phan Bội-Châu ngầm chuyển từ hải-ngoại về.

## VĂN-THƠ CỦA ĐÔNG-KINH NGHĨA-THỰC

Cơ-quan ngôn-luận của nhà trường là *Đảng Cổ Tùng Báo* và *Đại-Việt Tân Báo*.

Báo là phần vận-động cách-mạng dưới diện hiền-hòa để tránh sự dòm ngó của chính-quyền. Những tác-phẩm cách-mạng tích-cực, được truyền-bá ngầm đến quốc-dân, có ảnh-hưởng sâu rộng và lâu dài. Khi trường và báo bị đóng cửa, ban Cổ-Động và Trước-Tác vẫn tiếp tục hoạt-động nhằm mục-đích mở-mang dân-trí và nung-nấu dân-chí, để tiến tới thực-thi dân-ý. Những bài "*Thiết Tiên ca*", "*Điếu Hủ Nho*", "*Chiêu Hồn Nước*", "*Học Thuật Thực Dụng*", "*Hai Chữ Nước Nhà*", "*Anh Khóa*" v.v..., một thời đã gần như kinh nhật-tụng của quốc-dân ta.

Nói đến chủ-trương Duy-Tân, không thể sót hai người anh hùng, sáng-lập viên Việt-Nam Quang-Phục-Hội là Thái Phiên và Trần Cao-Vân với “*Loạn Đầu Bào*” (chữ *Loạn* do triều-đình Huế gán cho để né tránh áp-lực của người Pháp – *Đầu Bào* nghĩa là gọt đầu, cắt tóc). Phong-trào Duy-Tân khích-lệ ăn mặc gọn-gàng. Cụ Phan Chu-Trình mặc Âu-phục may bằng vải nội-hóa và cắt tóc ngắn. Ở Bình-Định, Phú-Yên, Trần Cao-Vân và Thái Phiên tích-cực hơn, tổ-chức đoàn cắt tóc. Gặp ai búi tóc củ hành, áo dài đến gối là cắt phẳng búi tóc, cắt luôn vạt áo. Bài “*Húi tóc*” được truyền-tụng trong dân-gian:

**Húi tóc**

*Tay trái cầm lược,  
Tay phải cầm kéo,  
Húi hể, húi hể,  
Thủng thẳng cho khéo.  
Bỏ cái ngu này!  
Bỏ cái dại này!  
Ăn ngay nói thẳng.  
Đừng có gian lận,  
Đừng có nói láo,  
Ngày nay ta cắt,  
Ngày mai ta cạo.*

Trần Cao-Vân còn sáng-tác bài “*Kinh Độc-Lập*” được khắp ba miền Bắc, Trung, Nam nhiều người hưởng-ứng.

**“Kinh Độc-Lập”**

*Phen này cắt tóc đi tu,  
Độc kinh Độc-Lập ở chùa Duy-Tân.  
Ngày đêm tụng niệm chuyên-cân,  
Cầu cho ích quốc, lợi dân mới là.  
Tu sao mở trí dân nhà,  
Tu sao độ được nước ta phú-cường.  
Lòng thành thấp một tuần hương,  
Nam-mô Phật tổ Hồng Bàng chứng-minh.  
Tu hành một dạ đình ninh,  
Nắng mưa dầm quân công-trình một hai.  
Chắp tay lạy chín phương trời,  
Xin trời phù hộ cho người nước tôi.  
Lòng tôi mong đứng mong ngồi,  
Mong sao cho được giống nòi vẻ-vang.  
Nào là tín nữ thiện nam,  
Nào là con cái thập phương giúp cùng.  
Giúp tôi đúc quả chuông đồng, (tiếng gọi đồng-tâm)  
Cho thành quả phúc ta cùng hưởng chung.  
Nam-mô Phật tổ Lạc-Hồng.*

(Có một vài tác-phẩm biên-khảo rằng bài này của cụ Nguyễn Quyền).

Cụ Trần Quý-Cáp sáng-tác bài “*Về Cắt Tóc*” để cổ-suy Duy-Tân.

**Về Cắt Tóc**

*Vì ai nên nổi u mê,  
Vì coi trước mặt, không dè sau lưng.  
Cái tóc vô dụng quá chùng,  
Lạ thay người thế lại ửng cho dài.  
Trời sinh một mảnh hình hài,  
Cái đầu thờ phụng, cái vai gánh gồng.  
Mắt xem thấy, tai nghe thông,*

*Chân thì đi đứng, tay dùng đỡ nương.  
 Cái mũi người bước mùi hương.  
 Miệng thì ăn uống, lưỡi thường nói năng.  
 Ngũ tạng gìn giữ tánh hằng,  
 Nhơn, nghĩa, lễ, trí ai rằng là không?  
 Thiệt là thân thể phải dùng,  
 Cũng nên trân trọng, cũng hòng trông coi.  
 Còn như cái nổi tóc dài,  
 Tính ra cho kỹ, đừng tài chi chi.  
 Gác tay lên trán mà suy,  
 Búi nhùi trên óc, loạn xì trên côi.  
 Chẳng chi nực nội mà thôi,  
 Đã thêm chí cắn, lại bồi bụi dơ.  
 .....  
 .....  
 Một, hai, ba, bốn xin từ,  
 Trước đưa một kéo, sau từ vài câu.  
 Văn minh giữ vẹn trên đầu,  
 Bao nhiêu cái tóc không cầu không ư.  
 Ví ai còn biết nghe lời.  
 Cắt đi cho tiện, chớ cười, chớ chê.*

**Cụ Phan Chu-Trinh:**

(Cụ Phan Chu-Trinh ít tuổi hơn cụ Phan Bội-Châu, văn-thơ cũng như hoạt-động vì nước của cụ đều sau cụ Sào Nam. Chúng ta tham-khảo về cụ trước khi đi vào thơ văn cụ Sào Nam, nhằm mục-đích để nhận biết những điểm dị-đồng giữa hai cụ)

*“Đã vì nước đem thân trôi nổi như thế này,  
 thì không bao giờ sự phú-quý làm mờ tối lòng ta được.  
 Nếu một ngày kia dân Việt-Nam sẽ hóa ra ù-ù cả,  
 ta đã thế cùng sức hết rồi,  
 thì ta còn cách cắt đầu xuống đất,  
 không chịu để ai vày đập ta,  
 mà cũng không cho ai cướp tự-do của ta.”*

Phan Chu-Trinh

(Ba nhà chí-sỹ họ Phan của Đào văn Hội)

Cụ Phan Chu-Trinh tên chữ là Tử-Can, hiệu Tây-Hồ, biệt-hiệu là Hy-Mã, sinh năm 1872 (niên-hiệu Tự-Đức thứ 26) ở làng Tây-Lộc, huyện Tiên-Phước, phủ Tam-Kỳ tỉnh Quảng-Nam. Thân-phụ là cụ Phan văn Bình, làm quan võ. Thân-mẫu là cụ Lê thị Chung, thuộc vọng-tộc ở làng Phúc-Lâm. Cụ là con út, năm 10 tuổi mới đi học.

Năm 1885 kinh-thành Huế thất-thủ. Cụ Phan văn Bình hưởng-ứng phong-trào Cần-Vương, làm chuyển-vận-sứ ở đồn A-Bá, huyện Tam-Kỳ, năm 1887 bị hại. Trong cơn gia-biến và quốc-biến, cụ được anh cả nuôi dưỡng, rước thầy dạy học. Cụ thông-minh, hiểu-học, lại tinh-thông võ-nghệ. Từ thiếu-thời đã có tiếng trong vùng là người cương-trực và uy-vũ bất-năng-khuất.

Năm 1900 cụ thi đỗ cử-nhân. Năm 1901, niên-hiệu Thành-Thái thứ 13, triều-đình mở ân-khoa, cụ đỗ phó-bảng, được bổ chức Thừa-biện bộ Lễ. Nhân trưởng huynh tạ-thế, cụ cáo quan về làng dạy học. Năm 1903 lại được bổ Thừa-biện bộ Lễ.

Trong thời-kỳ này, những biến-động chính-trị ở Trung-Hoa đã có tiếng vang sang nước ta. Cụ Phan Chu-Trinh nghiền ngẫm những sách phương tây như Xã-ước (*Contrat Social của J. J. Rousseau*), Vạn-pháp Tinh-lý (*De l'esprit des lois của Spencer*) (đó là những sách do Khang hữu Vi, Lương khả Siêu dịch sang chữ Hán). Những tân-thư này làm cụ có nhãn-quan mới về tư-tưởng cũng như hành-động. Từ một vị đại-khoa, thắm nhuần tư-tưởng Tống-Nho, cụ trở thành một chiến-sỹ Duy-Tân tích-cực. Chấn ngán sĩ-hoạn vào luồn ra cúi, đau lòng trước hoàn-cảnh nước mất dân khổ, cụ từ quan để mưu-đồ đại-sự.

Năm 1905 ba cụ Phan Chu-Trinh, Trần Quý-Cáp và Huỳnh Thúc-Kháng đi về phương Nam đất nước, mục đích thăm-dò dân-trí và kết-giao hào-kiệt. Qua tỉnh Bình-Định, nhân dịp quan tỉnh khảo-hạch sỹ-tử với đầu đề bài thơ “Chí-thành thông-thánh” và đầu đề bài phú “Lương-Ngọc Danh-Sơn”. Ba vị đại-khoa cùng ký tên giả là Đào-Mộng-Giác, nộp quyển nhằm thức-tỉnh đám nho-sinh đang đắm-đuối trong giấc mộng khoa-danh dưới thời vong-quốc. Hai cụ Huỳnh Thúc-Kháng và Trần Quý-Cáp làm bài phú, cụ Phan Chu-Trinh làm bài thơ, không theo thể-lệ trường-quy, hàm-chứa tư-tưởng cách-mạng Duy-Tân, vì dân vì nước. Viên quan đầu tỉnh sợ hãi, không dám phê chấm chỉ dích ra rồi trình lên viên công-sứ Pháp. (theo “Việt-Sử Tân-Biên” của Phạm văn Sơn, quan đầu tỉnh dịch ra quốc-ngữ. Theo “Ba nhà Chí-Sỹ họ Phan” của Đào văn Hội thì đầu tỉnh dịch sang tiếng Pháp). Việc truy-tâm tác-giả vô bằng-cớ nên việc này phải bỏ qua.

Cần nhấn mạnh là trước đó, nhân ở Kinh đô Huế có mở khoa thi, cụ Phan Chu-Trinh là viết bài “Văn-tế sống” các sỹ-tử, lời lẽ mạnh bạo, bài-bác cổ-tục là ngu đại dị-đoan.

“ ... *May mà dặng cử nhân, tán sỹ, lãng xăng như “chấu nọ gặp đèn; mang những đồ áo rộng khăn dài, lóm đóm như mèo kia bị ướt.*

*Dại đến nổi cúng đất tống ôn, trồng nêu đốt giấy, sự dã dại mà cứ theo hoài; quen thói những điều coi giờ nhắm địa, đoán số cúng sao, thói phi lý bỏ đi không dứt?? ...”*

Về cuộc Nam-du, cụ liên-kết nhân-sỹ yêu nước, bày tỏ lập-trường một cách thẳng-thắn và minh-bạch: đề-xướng theo tân-học, bác bỏ hoàn toàn cựu Nho – theo cụ đó là cái học lỗi-thời, hủ-lậu, cản đường tiến-hóa, hại nước hại dân – Ở trong Nam ít lâu, cụ trở ra thăm các tỉnh miền Bắc Trung-Việt và Bắc-Việt, liên-lạc mật-thiết được các sỹ-phu kiệt-liệt như cụ nghệ Tập-xuyên Ngô Đức Kế, cụ giải-nguyên Lê văn Huân, cụ cử nhân Võ văn Bá, cụ nghệ Tống Duy-Tân, cụ cử Hoàng văn Khải, cụ cử Lương văn Can, cụ hoàng-giáp Đào Nguyên-Phổ và nhờ cụ Võ Hoành đưa lên Yên-Thế thăm cụ Hoàng Hoa-Thám.

Trong thời-gian ấy cụ Phan Bội-Châu đang điu-dắt thanh-niên xuất-dương du-học tại Nhật. Cụ bí-mật gửi thư vận-động tinh-thần du-học để canh-tân xứ sở về nước, đồng-thời cụ cũng vận-động đồng-bào đóng góp sớ-phí giúp tuổi trẻ Đông Du (du-học ở Nhật-Bản), tạo-thành một phong-trào lớn mạnh được quốc-dân ý-thức và hưởng-ứng. Cụ Phan Chu-Trinh bèn quyết định sang Nhật. Hai cụ Phan gặp nhau ở Quảng-Đông rồi cùng sang Đông-Kinh (Tokyo).

Ở Nhật ít lâu, xem xét tình-hình nước này, thảo-luận cùng cụ Phan Bội-Châu về cách-thể cứu nước. Hai cụ đồng-tâm đồng-chí ở điểm cùng mục-đích cứu nước nhà khỏi ách nô-lệ lầm-than, nhưng phương-thức hành-động khác nhau.

“... *Hạ tuần tháng Hai, cụ Tây Hồ ở Hương cảng, nghe tôi qua Quảng Đông cũng qua ngay và thăm cụ Lưu\*, cụ Nguyễn\*\*... Khi xem đến “Duy Tân hội chương trình”, cụ lặng thinh một lúc, rồi nói: “Tôi rất mong muốn qua Nhật một chuyến rồi về nước.” Ý tứ cụ lúc đó cho thấy đã có chí hướng khác... Tôi sắp đặt, trung tuần tháng 3 đưa cụ Tây Hồ và Kỳ Ngoại Hầu đến Hoàn Tân. Thượng tuần tháng tư tôi đưa học sinh lên Đông Kinh vào học các trường Chấn Võ (quân sự, tốt nghiệp thành sỹ quan), Đồng Văn (Trung học Nhật). Hồi tôi lên Đông Kinh, cụ Tây Hồ đi cùng. Quan sát công việc chính trị, giáo dục của Nhật, cụ nói với tôi: “Trình độ dân Nhật như thế mà trình độ dân ta thì như thế, không nô lệ làm sao được! Đưa được bấy nhiêu học sinh vào học đường Nhật là sự nghiệp rất lớn của ông đó. Từ nay ông hãy ở yên bên Nhật mà nghĩ ngơi tĩnh dưỡng, nên hết sức chăm chỉ viết sách, chẳng nên nói đến chuyện bài Pháp làm gì, chỉ nên đề xướng dân quyền. Dân đã biết có quyền thì việc khác có thể tính làm được.”*

*Từ đó luôn 10 ngày, tôi với cụ bàn đi bàn lại, ý kiến rất trái nhau. Cụ thì muốn: vung trồng nền tảng dân quyền, đánh đổ quân chủ. Còn ý tôi thì muốn đánh đuổi Pháp trước, khi nước nhà độc lập rồi mới bàn đến việc khác. Vì thế, đang lúc đánh Pháp, phải lợi dụng quân chủ. Chính kiến của hai chúng tôi đối lập. Cùng chung một mục đích mà cách thể mưu đồ quốc sự khác nhau xa. **Cụ thì muốn đi con đường nương tựa Pháp đánh đổ vua, tôi thì muốn đi con đường bài Pháp phục Việt.** Đó là điểm mâu thuẫn giữa hai chúng tôi.*

*Tuy nhiên, dù chính kiến trái nhau, nhưng ý khí lại rất ưa nhau. Cụ với tôi kẻ gối chung giường gần một tháng thì cụ về nước”.*

(Phan Bội Châu niên biểu)

Ở Nhật về nước, cụ Phan Chu-Trinh đi diễn-thuyết một cách tích-cực, đả-phá quân-chủ một cách triệt-để,

\* Cụ Lưu: Lưu Vĩnh Phúc.

\*\* Cụ Nguyễn: Nguyễn Thượng Hiền.

đả-phá cựu-học một cách cực-đoan: không bỏ đế-chế, không bỏ nho-học, không thể cứu được nước. Cụ nỗ-lực quảng-bá thái-độ chính-trị “Pháp Việt Đê Huê” và bài-bác chống Pháp bằng vũ-lực: “chớ bạo-động, bạo-động thì chết uổng” cụ chủ-trương: *dân ta hãy gắng sức dựa vào dân trí ta, văn minh tân học của ta cao ngang với Pháp thì Pháp tự động phải rút khỏi nước ta. Không cần đổ máu một nhân mạng mà dành lại được nền độc lập.* Đặc-biệt các tỉnh miền Nam – cái nơi tiền bạc nuôi dưỡng thanh-niên Đông-Du – cụ Phan Chu-Trinh hoạt-động ráo-riết, trình-bày những nguy-hiểm có thể xảy ra cho thanh-niên tại Nhật và gia-đình họ ở nhà. Hoạt-động của cụ làm cho đa-số phụ-huynh nao-núng, lo-âu. Tài-chính của Đông-Du vì vậy trở nên thiếu hụt. Nhiều du học-sinh người miền Nam đã phải bỏ học, bỏ lý-tưởng, về quê sống an-phận thủ-thường.

Cũng từ khi ở Nhật về, cụ Tây-Hồ quyết-định chỉ vận-động cải-thiện chính-trị một cách công-khai trước quốc-dân và nhà nước bảo-hộ. Tuyệt-đối không tổ-chức hội kín. Ngày 15 tháng 8 năm 1906 cụ gửi cho toàn-quyền Đông-Dương, dài 12 trang, nêu ra 3 điểm chính:

1. Sự mục nát của quan-trưởng mà nhà nước bảo-hộ chịu trách-nhiệm vì đã dung-túng họ.
2. Chính-sách cai-trị của người Pháp mắc nhiều lỗi-lầm vì khinh dân Việt-Nam.
3. Cụ đề-nghị: *“Kén chọn người hiền-tài, trao cho quyền bính, lấy lễ mà tiếp, lấy thành mà đãi, cùng nhau lo toan việc dấy lợi trừ hại ở trong nước, mở đường sinh-nhai cho dân nghèo, rộng quyền ăn nói cho thân-sĩ, báo quan mở rộng để thông đạt tình dân, thưởng phạt cho nghiêm-minh để khuyên răn quan lại. Còn đến những việc đổi luật-pháp, bỏ khoa-cử, mở trường học, đặt tòa tu-thư, dạy lớp sư-phạm cho đến học công-thương, mỹ-nghệ và các ngạch sưu-thuế cũng phải cải-lương dần dần, như thế thì dân được yên nghiệp làm ăn sẽ vui lòng giúp việc cho chính-phủ, bấy giờ họ chỉ sợ người Pháp bỏ nước Nam mà đi, còn ai toan mưu việc chống cự nữa.”*

Công cuộc nhằm cải-thiện chế-độ thực-dân dưới hình-thức công-khai của cụ Tây-Hồ thất-bại. Kẻ ngoại-xâm không chịu nghe theo ý cụ, tuy vẫn lưu-ý hoạt-động của cụ. Tháng 12 năm 1907, thống-sứ Bắc-Kỳ Miribel đã đề-nghị với toàn-quyền Đông Dương như sau:

*“Tốt nhất là gắng mua chuộc Phan Chu-Trinh về phe ta trước khi ông trở thành một kẻ thù công-khai. Có lẽ chúng ta có thể ban cho ông một chức vụ ngoài chính quyền, với chức-vụ đó ông sẽ có thể vừa thi thố những khả năng thực tế của mình mà vẫn giữ được tư cách độc lập ông ta rất thiết tha...”*

- Với chủ trương: -- Mở mang dân trí  
-- Loại bỏ đế chế cùng quan trường  
-- Tôn trọng dân quyền.

Ngày 4 tháng 4 năm Mậu-Thân (1908) cụ bị pháp bắt tại Hà-Nội giao cho triều-đình Huế. Giam 8 tháng rồi đày Côn-Đảo, án “xử tử đày Côn Đảo, không ân xá”. Dư-luận Việt-Nam quá sôi-động, toàn-quyền Pháp đề-nghị ân-xá cụ. Hội nhân-quyền do Babut đề-nghị đã đòi bãi-bỏ án tử-hình. Viên toàn-quyền Pháp (Klobukowsky) và Babut trở thành thân-thiết với cụ rồi đưa cụ qua Pháp. Ở đây cụ thường lui tới Thượng và Hạ viện để đưa ra những dự-án cải-tổ chính-trị của Pháp ở Việt-Nam, nhưng không có hiệu-quả gì.

Năm 1915 cụ bị Pháp gán tội làm gián-điệp cho Đức và bắt giam vào nhà tù quốc-sự-phạm (Prison de la Santé). Hội Nhân-Quyền vận-động ráo riết, sau 10 tháng tù, cụ được tha. Trong thời-gian này cụ có 3 bài cảm-tác:

**“Cây cao thì gió phải lay**

**“Người cao thì phải đấng cay trăm chiều**

*Lạ chi thói gió tự xưa nay,  
Hễ thấy cây cao chỉ muốn lay.  
Thẳng vóc sà sà hay cứng cõi,  
Xốc luồng tức tối cứ long lay.  
Coi buồm, khách thạo ghê nường bóng,  
Né ná, chìm hèn sợ dịnh dây.  
Nôm, bác, trời thây ra sức thổi,  
Cột rường trăm thước vẫn chờ ngày.*

(còn 2 bài cảm-tác nữa, xem *Thơ Văn Yêu Nước Và Cách Mạng*, trang 209 – 210).

Trong thời-gian sống ở Pháp, nhận-thức đúng-đắn giá-trị đích-thực của văn-minh cơ-giới cũng như đạo-đức xã-hội Thái-Tây, cụ không còn đả-phá văn-minh nhân-bản Đông-Phương như thừa mớ dĩn-thân vào trường tranh-đấu vì dân vì nước. Thái-độ ấy có thể nhìn rõ qua “*Thư Gửi Thiếu Niên Trong Nước*” của cụ:

*“Anh có hiểu chắc thế nào là một người có lòng với nước không? Một người có lòng với nước, chỉ biết có nước mà thôi. Việc lợi cho nước thì làm, việc hại cho nước thì tránh, còn lợi hại riêng đều gác ra ngoài vòng cả. Nhưng cũng phải tùy tài tùy sức. Biết đến đâu làm đến đấy, biết đến đâu nói đến đấy. Việc không làm được, thế không nói được, để mặc cho người khác làm, mặc cho người khác nói. Còn ai khen gì, chê gì, cho gì, dậm dọa gì, ta cũng cứ giữ khư khư một lòng mà thôi.*

*Các anh thiếu-niên ta ơi! Xin các anh chịu khó gia-tâm một tí, tìm cho đến cỗi rễ, hỏi cho đến ngọn nguồn. Biết một việc lo cho chắc một việc, nói một câu cho đúng một câu. Trước phải hiểu lịch-sử nước nhà, sau phải coi phong-trào thế-giới: Làm sao là khôn? Làm sao là dại? Đâu là quốc-túy phải giữ-gìn? Đâu là hại phải cắt đứt. Số-phận nước nhà ở trong tay các anh đấy. Các anh bước tới một bước thì dân nhà nhờ một bước. Các anh lạc một khoảng đường thì nước nhà lại bị nhận chìm mấy lần địa-ngục”.*

Qua bức thư, cụ đã nhìn nhận giòng sống của người Việt có những giá trị cao quý: “đâu là quốc-túy phải giữ-gìn”. Trong bức thư *Bảy điều đàn-hạch vua Khải Định* (1), cụ trình-bày tư tưởng dân-chủ của Nho-học. Đó là một biến-chuyển quan-trọng trong triết-lý cách-mạng của cụ, một bậc sỹ-phu anh-kiệt trong thời Pháp-thuộc.

Năm Ất-Sửu (1925) phong-trào giành độc-lập, đòi lại quyền với tinh-thần dân chủ như sóng xô khắp nước. Những lực-lượng võ-trang đang âm thầm manh-nha. Bên Trung-Hoa, Việt-Nam Quang-Phục-Hội đổi tên thành Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng, thái-dụng Tam-Dân Chủ-Nghĩa.(2) Thực-đán Pháp đưa cụ Phan Chu-Trinh về nước với thâm-ý lợi-dụng uy-tín cụ, lợi-dụng chính-kiến chủ-hòa của cụ nhằm chia rẽ lực-lượng cách-mạng đang tiến mạnh sang giai-đoạn tích-cực trực-diện chiến-đấu chống ngoại-xâm.

Cụ Tây-Hồ về nước, vẫn giữ nguyên đường lối cũ, Pháp Việt đề huề, chủ hòa không chủ chiến, dựa Pháp học văn-minh cơ-giới Thái-Tây cho đến khi dân văn-minh bằng người, người bảo-hộ tự-nhiên hết vai trò bảo-hộ, dân- được trút ách nô-lệ mà không tốn máu xương, sống đời tự-do dân-chủ. Cụ đi diễn thuyết nhằm dấy động dân-tâm, sỹ-khí ở các tỉnh miền Nam. Đêm 24 tháng 3 năm 1926 cụ tạ-thế ở Sài Gòn.

## Cụ Phan Bội-Châu:

*“Đối với lý tưởng phải hết sức trung thành.  
Thà vì lý tưởng mà hy sinh mình,  
chẳng vì mình mà bỏ lý tưởng.”*

Phan Bội-Châu

Lịch can huyết dĩ điều canh,  
để thiên diệc giám.  
Chú tinh thành ư nhất tiễn,  
kim thạch năng khai.

Phan Bội-Châu.

(Lấy máu và gan để nấu canh, thượng đế cũng chứng giám.

Thành-tâm dồn hết tinh-thần vào một mũi tên, cứng bền như vàng đá cũng phải tan).

Cụ Phan Bội-Châu sinh ngày 1 tháng 12 năm Đinh-Mão (26-12-1867). Thân-phụ là cụ Phan văn Phổ, một bậc hàn-nho tiết-tháo, làm nghề dạy học. Thân-mẫu là cụ Nguyễn thị Nhân, giòng-đôi thi-lễ.

(1) Bảy điều đàn-hạch vua Khải-Định của cụ Tây Hồ:

1. Tôn bậy quân quyền.

3. Thích chuộng những sự quỳ lạ.

5. Y phục không phải lối.

2. Lạm hành thưởng phạt.

4. Xa xỉ quá độ.

6. Chơi bời vô độ.

7. Đi Pháp chuyển này có việc ám muội.

(2) Thái-dụng Tam-Dân Chủ-Nghĩa: mượn tên Tam-Dân Chủ-Nghĩa mà dùng. Tuy cùng tên nhưng triết-lý chính-trị hàm chứa nhiều điểm quan-trọng thiết-yếu.

Cụ chào đời ở làng Sa-Nam (1) xã Đông-Liệt. Đến năm lên ba, gia đình trở về quê tổ ở làng Đan-Nhiễm (2) Tổng Xuân-Liệu. Tư-chất thông-minh, 5 tuổi đã thuộc nhiều bài thơ Chu Nam - Kinh Thi - 6 tuổi học 3 ngày thuộc Tam Tự Kinh không sót một chữ. 7 tuổi đọc hiểu kinh truyện, nhái Luận Ngữ viết thành Phan tiên-sinh Luận-Ngữ, phụ thân rất quở phạt.

Năm 9 tuổi, tức năm Tự Đức thứ 29 (1874), Pháp chiếm Lục Tỉnh, triều-đình bó tay nhường đất. Sĩ-phu Nghệ-Tĩnh là Trần Tấn (Thanh-Chương), Đạm Mai (Diễn-Châu), Lê Khanh (Hà-Tĩnh) dấy nghĩa Bình-Tây. Nhân việc này, thiếu-nhi Phan Bội-Châu cũng họp bạn thơ cùng học thành đội ngũ Bình Tây.

Năm 13 tuổi nổi tiếng thơ văn trong vùng, được thân-phụ cho theo học cử-nhân Nguyễn Kiều, một bậc túc-nho khoáng-đạt. *“Nhưng tiếc thay, lúc bấy giờ chỉ đua đuổi bằng văn-chương khoa-cử, không có gì đáng ghi lại. Chỉ biết khoa-cử hư văn ngày xưa, quyết không phải tội ở Tây-học. Hoàn-cảnh tối tăm đã chôn sống không biết bao nhiêu là thiếu-niên thông-minh. Đau đớn biết chừng nào.”* (trích Phan Bội-Châu Tự-Phán - Bản dịch của tác giả).

Năm 17 tuổi, tức năm Quý-Mùi (Tự Đức thứ 36 - 1883) Pháp chiếm Bắc-Kỳ. Nghĩa-quân nổi dậy khắp nơi. Thiếu-niên Phan Bội-Châu quy-tụ thân-bằng thiếu-hiệp, thảo hịch Bình-Tây Thu-Bắc. Những thiếu-niên tham-gia vụ này, về sau nhiều người trở thành sỹ-phu hào-kiệt, như cụ Đặng Thái-Thân. Cũng năm ấy, cụ Phan Bội-Châu đậu đầu phủ Anh-Sơn (huyện Nam-Đàn thuộc phủ Anh-Sơn).

Năm 19 tuổi, tức năm Ất-Dậu (niên hiệu Hàm-Nghi thứ nhất, 1885) Kinh-thành thất-thủ, vua Hàm-Nghi xuất-bôn. Cụ Phan Bội-Châu cùng bạn thân là Trần văn Lương (sau đỗ cử-nhân, không làm quan) quy tụ hơn 60 thân-bằng cùng học, tổ-chức đội “Thí-sinh-quân”, mời bậc khoa-bảng nghĩa-khí là cụ Đinh Xuân-Sung làm đội-trưởng. Được 10 ngày Pháp kéo đại quân đến đốt phá thành Nghệ-An. Nghĩa-sỹ “Thiếu-sinh-quân” tan hàng, may việc còn trong vòng bí mật nên không ai bị thiệt mạng.

*“Hễ muốn làm anh hùng tất phải tiềm-dưỡng cho thật lâu, muốn gánh vác việc lớn tất phải chứa mưu cho thật nhiều”.*

*“Hễ những tướng tiến táo khinh động (nóng nảy hấp tấp) bắt cọp bằng tay không, qua sông bằng mình truông, quyết không làm thành được việc gì”.*

*“Từ đó về sau, hơn 20 năm tôi mới chuyên chí vào một mặt tu dưỡng”.* Phan Bội-Châu Tự-Phán - Bản dịch của tác-giả).

Năm 34 tuổi (33 tuổi tây), năm Canh Tý, niên-hiệu Thành-Thái thứ 12 (1900) thi đậu giải-nguyên.

*Mái tóc Giáp-thìn đã nhuộm tuyết,*

*Đỉnh đầu Canh-tý chứa phai sơn.*

Trần Tế-Xương

Năm Canh-Tý (1900) cụ họp đồng-chí ở Nghệ An, bàn định kế-hoạch khởi-sự đại-ngĩa: giành lại độc-lập.

Năm Giáp-Thìn (1904) cụ họp đồng-chí ở Sơn-Trang, Nam-Thịnh, thuộc tỉnh Quảng-Nam, thành-lập Việt-Nam Quang-Phục-Hội.

Năm Ất-Tị (1905) cụ xuất-dương, lập phong-trào Đông-Du. Tháng 10 năm Đinh-Mùi, đón Kỳ-Ngoại-Hầu qua Nhật (1907).

Từ năm Canh-Tý (1900) cụ hiến dâng trọn- vẹn thân-thể cho công cuộc mưu-đồ độc-lập, tự-do và hạnh-phúc đích thực cho quốc-dân Việt-Nam. Xét trong lịch-sử ta, kể từ 1900 cho đến hiện tại, Phan Bội-Châu là sao Bắc-Đẩu trên vòm trời Đại-Việt.

Công-nghiệp cụ, trước lịch-sử, thuộc bộ môn sử-học. Chúng ta chỉ khảo-lược mấy nét chính-cương để có thể đi vào văn-nghiệp của cụ. Văn-nghiệp của cụ bao trùm trên các lãnh-vực tư-tưởng triết-lý, chính-trị xã-hội, đạo-đức nhân-bản, nghệ-thuật thẩm-mỹ, gồm cả các dạng-thức thơ, văn, câu đối, phú v.v... Đến nay, chưa một công-trình sưu-tập nào sưu-tập đủ tác-phẩm của cụ. Lý-do: hoàn-cảnh lịch-sử làm tản-mác, thất-lạc đi nhiều. “Phan Bội-Châu toàn-tập” do Chương Thâu thực-hiện chưa thể gọi là toàn-tập. Đấy cũng là một công-trình có giá-trị. Tuy nhiên, vì hoàn-cảnh, không tránh khỏi những sai lầm cố-ý.

“Tin hoàn-toàn vào sách không bằng không đọc sách”, các tác-phẩm của cụ Phan Bội-Châu, ngày nay sưu-tập được và ấn-hành, các bạn học-viên nên có và đọc với tấm lòng và trí phán-đoán để tránh ngộ-nhận. Thừa sinh-

(1) Nay là xã Nam-Diễn, huyện Nam-Đàn, tỉnh Nghệ-An.

(2) Nay là xã Xuân Hòa, ở phía đông huyện Nam-Đàn, tỉnh Nghệ-An.

tiền, cụ đã có than: “*Cũng vì tôi có chút tên tuổi trong quốc dân, nhiều bạn trẻ viết sách đã mượn tên tôi ký làm tác giả. Điều này, tôi không phản đối, nhưng ít ra trước khi in với tên tôi cũng nên cho tôi được đọc qua. Nay có những cuốn in với tên tôi chưa từng được biết, được đọc.*” (Báo Tiếng Dân).

### **Đi vào Văn-Nghiệp cụ Phan Bội-Châu:**

Văn và sử là hai bộ-môn không thể tách rời, đặc-biệt thi-ca ái-quốc.

Chính-sách Nguyễn triều bế-quan tòa-cảng, giáo-dục chuộng khoa cử hư-văn. Trong khi năm châu chuyển mình, khoa-học thực-nghiệm đạt những kết-quả tân-kỳ thì giới sỹ nước ta còn chìm đắm trong ao tù văn-chương bát-cổ (Kinh-nghĩa, một hình thức văn-chương khoa-danh có tám vế). Cụ Phan Bội-Châu, ở thừa ban đầu, cũng không tránh khỏi trạng-huống ấy.

Năm 1897, cụ Phan Bội-Châu gặp cụ Mai-Sơn Nguyễn Thượng-Hiền (đỗ Hoàng-Giáp, người làng Liên-Bạt, phủ Ứng-Hòa, tỉnh Hà-Đông, có danh tiếng ở chốn đế-đô). Đọc bài phú “Bái thạch vi huynh” của cụ Phan, cụ Nguyễn mến phục, bèn bí-mật đưa cho nhiều sách khảo-cứu chính-trị cùng những tân-thư cổ-võ cách-mạng do hai thầy trò ông Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu dịch.

(Các sách Tây Phương - thừa ấy gọi là tân-thư - do hai thầy trò ông Khang dịch là: Dân ước Luận (*Contrat social - J. J. Rousseau*), Vạn-pháp Tinh-lý (*De L'esprit des lois - Montesquieu*), tiến hóa luận (*Evolutionnism - H. Spencer...*). Các sách khảo-cứu chính-trị, mở rộng nhân-quan người Châu Á được thầy trò ông Khang ấn-hành và phổ-biến rộng-rãi: Trung-Đông chiến-kỷ, Phổ-Pháp chiến-kỷ, Doanh hoàn chí lược).

Đọc những sách ấy, cụ Phan Bội-Châu như bừng tỉnh sau cơn mê dài, bỗng bật chê nền giáo-dục có giá-trị nhân-bản, quản-trị xã-hội phương Đông trong vòng nhân-ái mấy ngàn năm là “Thư năm xe vô tích cả năm”. Quá đau lòng trước cảnh nước nhà nô-lệ, dân nước bị lầm than đọa đầy vì cái ao tù “bế-quan tòa-cảng” cụ uất-ức than:

*“Dân hăm lăm triệu không người lớn.  
Nước bốn nghìn năm vẫn trẻ con.”*

Hoặc: *“Cái đồ bất hiếu hăm lăm triệu,  
Còn mặt nào trông giữa cõi đời!  
Những tưởng của ông là của cháu,  
Ai hay người Việt lẫn người Hời!” ...*

Tháng 5 năm 1903 cụ Phan gặp được cụ Tiểu La Nguyễn Thành ở Quảng-Nam. Hai cụ đàm luận quốc-sự rất tâm đầu. Cụ Tiểu La phân-tích tư-tưởng Nho, một hệ-thống triết-lý bao gồm đạo-đức chính-trị nhân-bản, khiến cụ Phan một lần nữa tỉnh-ngộ trong cơn hoa mắt vì tân-thư. Từ đây, bước đường cách-mạng của cụ có tư-tưởng chỉ-đạo sâu-sắc và sáng-suốt.

Làm việc yêu nước, cụ định-nghĩa thế nào là Ái-quốc.

#### **Định-Nghĩa Ái-Quốc**

*Giống giống Tiên Rồng, màu da hoàng Hán,  
Chôn nhau cắt rún ở đất nước nhà.  
Nước là mẹ ta, ta là con nước,  
Thân con có phước, nhờ mẹ lâu dài.  
Mẹ mất con cô, còn gì thân thế!  
Cuộc đời dâu bể, trời cướp mẹ mình,  
Hồn mẹ lênh đênh, nỗi con chua xót.  
Nào người tâm huyết, máu chảy ruột mềm,  
Quên mẹ sao nên, phải thương đến nước.  
Song le ái quốc, há phải nói không,  
Ai cốt ở tâm, ái không ở miệng.  
Những người ái miệng, bán tiếng mua danh.  
Đối người đối mình, trộm nhân trộm nghĩa.  
Ai mà ái thế, không ái còn hơn,*

*Hại cả toàn quần, thương gì đến nước.  
 Những người ái quốc, xin ái thiết tha,  
 Quên mình quên nhà, chỉ biết có nước.  
 Tùy tài tùy sức, lớn nhỏ mặc lòng,  
 Góp giọt thành sông, chất hòn nên núi.  
 Nhiều tay xúm lại, cơ nghiệp nước mình,  
 Mừng mẹ tái sinh, thỏa lòng con ái.  
 Thế cùng sông núi, giữ tấm lòng ngay,  
 Ai quốc ai đây, thiên vãn ghi tạc.*

Cụ Phan Bội-Châu đã “Quên mình quên nhà, chỉ biết có nước” cho đến hơi thở cuối cùng. Khi thành-lập Việt-Nam Quang-Phục-Hội ở sơn trang Nam-Thịnh (làng Thành-Mỹ, phủ Thăng-Bình, tỉnh Quảng-Nam), nhận-thức rằng giặc Pháp không đuối không đi (*nếu chủ-trương ôn-hòa bất-bạo-động, chỉ chuyên-chú mở mang dân-trí, phát-huy văn-minh khoa-học, chừng nào dân-trí cao bằng dân-trí Pháp, nước nhà có một nền văn-minh khoa-học ngang hàng văn-minh Pháp thì thực-dân Pháp tự-nhiên phải rút khỏi nước ta thì chỉ là một chủ-trương không tưởng* -- Theo ý người viết bài này, ý trên hoàn toàn đúng vì cho đến bây giờ, cuối năm 2000, văn-minh khoa-học của nước ta không những không thể sánh cùng nước Pháp, mà vẫn ở tình-trạng thấp kém vào bậc nhất; chưa sản-suất được chiếc xe gắn máy!). Do đó, Việt-Nam Quang-Phục-Hội chủ-trương song song với việc mở mang dân-trí, hưng-khởi dân-tâm là tổ-chức võ-trang để chiến-đấu với giặc.

Để phát-huy cao tinh-thần dân-tộc, cụ Phan Bội-Châu viết “Việt-Nam Quốc-Sử Khảo”, nơi tác-phẩm này, cụ nhập-dẫn với chương “Nước Là Gốc”. Mở đầu, cụ viết:

*“Cái mà người ta yêu quý nhất, không gì bằng thân mình. Trên thân mình là tổ-tông, cha mẹ, dưới thân mình là con, cháu, chắt chít, nhưng kỳ-thực đều là một thân ta cả. Tổ-tông cha mẹ ta ở đâu ra, con cháu chắt chít ta nương-tựa vào đâu? Suy đi tính lại, chẳng phải là nước đó sao? Vậy nước ta là tính-mệnh của thân ta. Thân ta vì đâu mà có giá-trị? Vì có nước. Nước mất thì giá-trị ta thấp hèn. Thân ta vì đâu mà có quyền? Vì có nước. Nước mất thì quyền không còn”.*

Nhiều người thấy cụ Phan Bội-Châu tôn Kỳ-Ngoại-Hầu Cường Để làm minh-chủ, làm tướng cụ còn mang nặng đầu óc tôn-quần. Thực ra, vì công-lao mở nước ở miền Nam của các chúa Nguyễn, nên đồng-bào miền Nam còn tưởng-vọng, nên cụ Phan cùng các đồng-chí dùng thủ-đoạn tôn súp Kỳ-Ngoại-Hầu. Điều này chính Hầu cũng biết và đồng-ý. Trong tác-phẩm “Việt Nam Quốc Sử Khảo”, chủ-trương Dân chủ, Dân Quyền đã được viết minh-bạch:

*“Theo công-pháp vạn-quốc quy-định, được gọi là một nước phải hội đủ ba yếu-tố:*

- 1. Có người dân.*
- 2. Có lãnh-thổ.*
- 3. Có chủ-quyền.*

*“Thiếu một trong ba yếu-tố ấy, không đủ tư-cách là một nước. Trong ba yếu-tố ấy thì quốc-dân là quan-trọng nhất. Không có quốc-dân thì lãnh-thổ không thể còn, chủ-quyền không thể lập.*

*“Quốc dân còn thì nước còn, quốc dân mất thì nước mất (theo tinh thần quân chủ Tống Nho, vua mất thì nước mất. Phụ-chú của người viết, T.L.G.). Muốn biết quốc-dân còn mất như thế nào thì phải xem cái quyền của quốc-dân còn mất như thế nào. Dân quyền được đề cao thì quốc dân được tôn trong, mà nước mạnh. Dân quyền bị xem nhẹ thì dân bị khinh, mà nước yếu. Dân quyền hoàn toàn mất thì dân mất mà nước cũng mất...”*

*“... Chính phủ chỉ là đại biểu cho cả nước mà thôi, chính quốc dân mới là nền tảng căn bản, then chốt của nước. Vua phải coi dân là trời, dân chính là trời của kẻ đứng đầu cơ quan quản trị nước. Ngày nay, dân quyền đã mất hết thì có dân cũng như không có dân. Tình trạng như thế thì nước không thể không mất được.”*

Năm Bính-Ngọ (1906) cụ Phan Chu-Trinh và Kỳ-Ngoại-Hầu Cường Để được cụ Phan Bội-Châu đưa qua Nhật. Để kỷ-niệm năm Kỳ-Ngoại-Hầu đặt gót chân lên đất Phù-Tang, ngôi nhà cụ Sào Nam ngay ở bến Hoàn-Tân bấy giờ được đặt tên là Bính Ngọ Hiên.

Trước khi qua Nhật, trong gần nửa tháng lưu tại Quảng-Đông, cụ Phan Chu-Trinh bàn về quân-chủ, cho rằng đó là chế-độ rất tai hại cho nước nhà. Ý cụ muốn thuyết-giảng về Dân-Quyền và Dân-Chủ (tư-tưởng cụ đọc nơi sách của J. J. Rousseau và Montesquieu mà cụ tôn là bậc thầy. Trong khi diễn-thuyết trước đại-chúng, cụ

thường hay nhắc đến “Thầy Lư Thoa”, thầy Mạnh Đức Tư Cừ). Kỳ-Ngoại-Hầu cũng như cụ Phan Bội-Châu vốn đã chủ-trương một nền chính-trị dân-chủ, tôn-trọng dân-quyền, trước nhiệt-tâm bông-bột của cụ Tây-Hồ, để giữ hòa-khí giữa những tâm-hồn yêu nước, Kỳ-Ngoại-Hầu đã viết một bức thư gửi quốc-dân, in và nhờ ông Lý Tuệ đem về nước giao cho các cụ Đặng Tử Kính và Tăng Bạt Hổ. Bức thư ấy, Hầu Ký là “Dân-tặc-hậu Cường Để” (nghĩa là: Cường Để, hậu-duệ của giặc dân). Điều này cho thấy độ-lượng và thái-độ quả-quyết đặt quốc-dân lên trên hết của những nhà lãnh-đạo Đông-Du.

Năm 1907 cụ Phan Bội-Châu viết và ấn-hành cuốn “**TÂN VIỆT-NAM**” ở Bình-Ngọ Hiên. Tác-phẩm viết bằng chữ Hán và được chuyển Nôm (chuyển sang tiếng Việt-Nam). Tác-phẩm trình-bày chí-hướng cương-quyết Duy-Tân để đưa nước nhà đến phú-cường, đưa dân nhà đến hạnh-phúc dưới chế-độ dân-chủ thật sự. Cụ trình-bày minh-bạch gọn-ghẽ, bằng lời văn giản-dị để người bình-dân ít học đọc cũng hiểu được tình-trạng bi-đát của dân ta trước khi duy-tân và hạnh-phúc mà quốc-dân được hưởng sau khi nhà nước nhà đã duy-tân.

Dưới đây xin trích mấy đoạn điển-hình để học-viên suy ngẫm về tấm lòng ái-quốc của tiền-nhân:

*“Từ khi Pháp bảo-hộ nước ta đến nay, chúng chiếm giữ hết mọi quyền-lợi và muốn làm sống làm chết ai cũng được.*

.....  
 .....

*“Sau khi duy-tân rồi thì tư-cách nội-trị, quyền-lợi ngoại-giao đều do ta nắm giữ. Sự-nghiệp văn-minh ngày càng tiến-bộ, phạm-vi thế-lực ngày càng mở mang...*

*“Cái nạn độc chuyên-chế của bọn người hại dân áp-ủ đã hàng ngàn năm nay từ bên Trung-Quốc lây sang nước ta, đến nỗi một tên độc-phu (vua) và vài vạn kẻ dung-nhân (quan) làm cá làm thịt trăm họ dân ta...*

*“Sau khi đã duy-tân rồi, thì dân-trí sẽ mở mang, dân-khí sẽ lớn mạnh, dân-quyền sẽ phát-đạt, vận-mệnh nước ta do dân ta nắm giữ...*

.....

*“Bội Châu tôi tuy là người tài hèn sức mọn, nhưng cũng là một người con thương mến của nước ta, xin kính cẩn tỏ bày kiến-thức thô-thiển vụng về của mình để các bậc cha mẹ, chú bác, anh em chọn lấy. Có sáu điều mong lớn (lục đại nguyện) như sau:*

1. *Xin mọi người trong nước ta đều có ý chí tiến thủ, mạo hiểm.*
2. *Xin mọi người trong nước ta đều có tinh thần thương mến tin yêu nhau.*
3. *Xin mọi người trong nước ta đều có tư tưởng tiến bước lên nền văn minh.*
4. *Xin mọi người trong nước ta đều có sự nghiệp thực hành yêu nước.*
5. *Xin mọi người trong nước ta đều có sự nghiệp thực hành công đức.*
6. *Xin mọi người trong nước ta đều có hy vọng về danh dự lợi ích.*

Sau 20 năm bôn-ba vì nước, cụ bị bọn người phản-phức dẫn đường cho Pháp bắt. 15 năm bị giam lỏng ở Bến-Ngự (thuộc Huế), không thể tung-hoành ở chính-trường và chiến-trường, cụ điềm tĩnh viết những tác phẩm giá trị để đóng góp vào nền giáo-dục quốc-dân.

Về giáo-dục, cụ quan-niệm: *“Cái họa chết bằng óc đói, thiệt tai hại hơn cái chết bằng bụng đói biết bao nhiêu! Bây giờ muốn tránh cái họa ấy, chẳng gì cần hơn là giáo dục.*

*“Chẳng bao giờ giáo dục chết mà quốc dân sống, chẳng bao giờ giáo dục mất mà quốc dân còn; chẳng bao giờ giáo dục suy mà quốc dân thịnh được. Quốc dân chẳng sống, quốc dân chẳng còn, quốc dân chẳng thịnh thì cái địa vị một nước ra thế nào?...”*

*“Dân là sinh mệnh của nước, mà giáo dục lại là sinh mệnh của dân. Giáo dục mà không phải là quốc dân giáo dục thì hai chữ giáo dục chẳng phải là chữ suông trên pho tự điển đó thôi ư?”*

(Văn-học tuần san số 3, ngày 1-11-1933

“Vấn-đề Quốc-dân Giáo-dục”)

Trong thời-gian cụ sống bó tay ở Bến-Ngự, cộng-sản và tư-bản là hai thế-lực lớn khuynh-loát cả toàn-cầu. Trên báo Tràng An số ra ngày 7 tháng 10 năm 1938, cụ thẳng-thắn phê-bình chủ-trương giai-cấp đấu-tranh của cộng- sản như sau:

*“Cần phải kêu gọi tinh-thần hợp-nhất, cần phải có sự đồng-tâm. Muôn ngàn người như một, cùng một mục-đích, cùng một thủ-đoạn thì việc làm mới mong có ngày thành-tựu được.*

“Lao-tư hỗ-trợ, ở nước ta chưa có sự phân-biệt rõ ràng của hai giai-cấp này, tuy hạng chủ cũng không nên dùng chính-sách bóc lột đối với hạng thợ thuyền, và hạng này cũng không nên gây thù kết-oán với hạng kia. Phải tương-tử tương-trợ để bồi-bổ cho cái nền-tảng của quốc-gia đứng vững đã.

“Hô-hào giai-cấp đấu-tranh ở xứ này là một việc cực ngu! Những người thức-thời không bao giờ làm như thế! Thế nào là tư-bản? Một người có 5, 10 mẫu ruộng, một anh chủ-tiệm may gọi là tư-bản ư? Cứ xem bảng thống kê ở các nước khác thì đã có người Việt-Nam nào đáng gọi là tư-bản? Tôi đã nói ở nước này chưa có sự phân-biệt rõ-ràng của hai giai-cấp tư-bản và lao-động: người Việt-Nam chúng ta đều là hạng người mất quyền, hạng người mất nước cả. Cùng một tai-nạn, đã không chung sức để tùy theo cảnh-ngộ mà lần-hồi thu-phục lại những quyền đã mất để gây dựng lại nền-tảng quốc-gia, lại còn đi kiếm cách tương-tàn tương-phần, làm giảm mất lực-lượng tranh-đấu, thật là một điều thất-sách.

... “Tóm lại là người ta lợi-dụng phong-trào xã-hội để chia rẽ lực-lượng trong nước, để phá-hủy sức đoàn-kết và để làm tiêu-diệt tinh-thần quốc-gia của dân ta”.

**Chủ-nghĩa Tư-Bản, theo cụ là một sự nguy-hại của xã-hội:**

“Xưa nay trong quốc-gia xã-hội, sở-dĩ đến nỗi bất yên là nguyên-nhân vì bất-hòa. Sở-dĩ bất-hòa là nguyên-nhân vì bất-quân. Hễ xử trí không được quân bằng thời ở trong xã-hội đó, người giàu và sừng ăn hiếp người đói và khổ, người đói và khổ tức giận người giàu và sừng, tất nhiên sinh ra bất hòa. Đã bất hòa tất phải thù oán nhau, làm gì cho yên được? Hễ đã bất yên thời cái nghiêng đổ tới ngay...” (Khổng Học Đăng)

**Chủ-nghĩa Vô-Sản, theo cụ là sự tàn-độc của xã-hội:** “Nhất thiết loài người, khi mới sinh ra, người nào cũng có thể dắt vào đường tốt, có can hại gì mà đến nỗi mất nhân-cách? Người sở-dĩ mất nhân-cách chỉ vì hoàn-cảnh lừa dối: hoàn-cảnh tốt thời tốt, hoàn-cảnh xấu thời xấu.

Hoàn-cảnh tốt là gì? Là tiền bạc có sẵn luôn luôn, gọi là *hữu hằng sản*. Hoàn-cảnh xấu thời trái lại, một bữa no mười bữa đói, một ngày đủ mười ngày thiếu, không tiền của sẵn luôn, chính là *vô hằng sản*.

Tuy ở trong loài người cũng có một hạng người mà ta gọi là *thánh-hiền*, dầu gặp hoàn-cảnh xấu (vô hằng sản) mà tâm-địa luôn luôn tốt (*hữu hằng tâm*). Nhưng hạng người ấy quá hiếm, chỉ duy đạo đức cao, học vấn tốt mà làm một hạng “sĩ” mới hay được như thế. Còn như lớp dân phổ-thông thời vì vô hằng sản tức khắc nhân đó mà *vô hằng tâm*. Nếu đã đến lúc vô hằng tâm thời tuông luông, xiên vạy, gian dối, bậy bạ, chẳng cái gì không làm. Đến khi đã làm điều xấu mà bị can-phạm pháp-luật, sụp vào tội-ác, thời những người có quyền chính-trị vịn lấy cơ đó mà trừng phạt, chém giết họ. Thế thời những bọn có quyền chính-trị đã đặt bẫy mà sụp dân đó vạy. Làm chính-trị bạc ác để đến nỗi dân đói rét, khi họ vì đói rét mà sụp vào tội thời lại giữ pho luật ra mà trừng phạt, chém giết họ, chẳng phải thả bẫy sụp dân là gì?”

(Khổng Học Đăng)

Cụ Phan Bội-Châu tạ-thế tháng 10 năm 1940, để lại cho quốc-dân một công-trình lịch-sử to-tát và một kho-tàng văn-học lớn lao. Trước khi lâm-chung, cụ có viết mấy lời Vĩnh-Quyết với quốc-dân đồng-bào, gửi cụ Huỳnh Thúc-Kháng đăng báo Tiếng Dân. Mấy lời Vĩnh-Quyết của cụ bị kiểm-duyet cắt xén. Sau này, học-giá Nguyễn Thiệu Lâu có hỏi cụ Huỳnh về phần bị kiểm-duyet ấy, cụ đáp: “Biết để làm gì? Cứ noi theo gương cụ là được rồi!”

